

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 18
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2026/KDTM-ST
Ngày: 04/3/2026
“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phạm Minh Thuận;
- Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 09/2025/TLST-KDTM ngày 25 tháng 7 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, theo định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2026/QĐXXST-KDTM ngày 21 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2026/QĐST-KDTM ngày 09 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH V; địa chỉ: Ô, Lô B, đường N, Khu công nghiệp Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là Ô, Lô B, đường N, Khu công nghiệp Đ, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Kong Y – Chủ tịch hội đồng thành viên kiêm Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trí A, sinh năm 2002; địa chỉ: C, Đ, B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh); địa chỉ liên hệ: Tầng C, Tòa nhà T, F đường H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là phường C, Thành phố T, tỉnh Bình Dương).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phan Yến P – Luật sư thuộc đoàn luật sư Thành phố H.

- *Bị đơn*: Công ty TNHH N1; địa chỉ: Số B, đường Đ, ấp C, phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh);

Người đại diện hợp pháp: Ông Thạch N – Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có mặt. Người đại diện hợp pháp của bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 13/6/2025, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH V (ông Trí A) trình bày:*

Công ty TNHH V (sau đây gọi tắt là “Công ty V”) và Công ty TNHH N1 (sau đây gọi tắt là “Công ty N1”) có ký kết Hợp đồng mua bán số Q1012024/HB.TTP ngày 01/10/2024 (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng mua bán”) về việc Công ty V cung cấp hàng hóa là sơn công nghiệp, dung môi pha loãng, sơn lót có màu, sơn phủ,... cho Công ty N1.

Tại thời điểm ký kết Hợp đồng mua bán, người đại diện theo pháp luật của Công ty V là ông Kong Y đã ủy quyền cho ông Zhang P1 đại diện ký kết Hợp đồng mua bán với Công ty N1 theo Giấy ủy quyền số 02/2022/UQ ngày 28/02/2022. Theo nội dung giấy ủy quyền, ông Zhang P1 được toàn quyền thay mặt và nhân danh Công ty V thực hiện việc đàm phán, ký kết, sửa đổi, bổ sung và thực hiện Hợp đồng mua bán nêu trên với Công ty N1.

Theo Điều 1 Hợp đồng mua bán, Công ty V cung cấp hàng hóa cho Công ty N1 theo từng đơn bán hàng cụ thể, với số lượng và quy cách được xác định tương ứng, đơn giá được căn cứ theo bảng báo giá ngày 16/10/2024 do Công ty V gửi. Điều 2 Hợp đồng quy định địa điểm giao hàng là tại xưởng của Công ty N1, đường Đ L, khu phố K, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương và thời gian giao hàng sẽ tùy theo từng đơn đặt hàng của bên mua.

Theo quy định tại Điều 3 của Hợp đồng mua bán, phương thức đối chiếu và xác nhận công nợ giữa hai bên được thực hiện theo chu kỳ hàng tháng. Cụ thể, trước ngày 30 hàng tháng, Công ty V có trách nhiệm gửi bảng đối chiếu công nợ phát sinh từ ngày 26 của tháng trước đến ngày 25 của tháng hiện tại cho Công ty N1 để xác nhận. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bảng đối chiếu công nợ, nếu Công ty N1 không có phản hồi bằng văn bản, thì được hiểu là đã đồng ý với số liệu nêu trong bảng đối chiếu và Công ty V có quyền xuất hóa đơn giá trị gia tăng tương ứng.

Về nghĩa vụ thanh toán, Hợp đồng quy định rõ thời hạn thanh toán là 60 ngày kể từ ngày Công ty N1 nhận được hóa đơn. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà bên mua không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, thì sẽ bị áp dụng lãi suất chậm thanh toán là 0,04%/ngày trên số tiền nợ quá hạn cho đến khi thanh toán đầy đủ.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng mua bán, Công ty V đã thực hiện đầy đủ và đúng nghĩa vụ của bên bán, bao gồm việc giao hàng hóa đúng chủng loại, số lượng, thời gian và địa điểm theo yêu cầu của Công ty N1. Tuy nhiên, Công ty N1 đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo các điều khoản đã cam kết trong Hợp đồng mua bán. Việc không thanh toán đúng hạn và đầy đủ từ phía Công ty N1 đã dẫn đến việc hai bên không thể tiếp tục duy trì quan hệ hợp tác thương mại như đã thỏa thuận. Đến thời điểm hiện tại, hoạt động mua bán giữa hai bên đã chấm dứt.

Ngày 15/04/2025, Công ty V và Công ty N1 đã ký kết Thỏa thuận thanh toán số 20250402-HB.TTP (sau đây gọi là “Thỏa thuận thanh toán”). Theo đó, Công ty N1 xác nhận còn nợ Công ty V số tiền 489.618.600 đồng, phát sinh từ nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng theo các hóa đơn giá trị gia tăng số 673 ngày 27/11/2024 và số 752 ngày 07/12/2024. Căn cứ nội dung Thỏa thuận thanh toán nêu trên, hai bên thống nhất rằng Công ty N1 sẽ thanh toán khoản nợ trên theo 03 đợt:

- Đợt 1: Vào ngày 20/04/2025, thanh toán số tiền 122.143.800 đồng;
- Đợt 2: Vào ngày 15/05/2025, thanh toán số tiền 180.000.000 đồng;
- Đợt 3: Vào ngày 15/06/2025, thanh toán số tiền 187.474.800 đồng.

Tuy nhiên, đến ngày 15/06/2025, Công ty N1 vẫn chưa thực hiện bất kỳ khoản thanh toán nào theo đúng thỏa thuận đã cam kết.

Ngoài ra, căn cứ điểm a Điều 3 Thỏa thuận thanh toán có quy định về lãi suất chậm thanh toán trên khoản nợ chưa thanh toán với mức lãi suất được áp dụng là 1,3%/tháng/30 ngày. Thời điểm bắt đầu tính lãi suất chậm thanh toán căn cứ theo Điều 4 Hợp đồng mua bán đến ngày Công ty N1 hoàn tất nghĩa vụ thanh toán công nợ.

Như vậy, Công ty N1 còn nợ Công ty V số tiền nợ gốc: 489.618.600 đồng và tiền lãi kể từ thời điểm phát sinh nghĩa vụ thanh toán tạm tính đến ngày 05/6/2025 là 23.016.841 đồng. Tổng cộng là 512.635.441 đồng.

Nay Công ty V yêu cầu Công ty N1 thanh toán tiền mua hàng còn nợ Công ty V theo Hợp đồng mua bán số Q1012024/HB.TTP ngày 01/10/2024 là 489.618.600 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán, tính từ ngày chậm thanh toán đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 04/3/2026) là 80.541.387 đồng. Tổng cộng: 570.159.987 đồng.

Ngoài ra ông Trí A không có ý kiến gì khác.

** Trong quá trình tố tụng để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật để báo cho Công ty TNHH N1 biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng Công ty TNHH N1 vẫn vắng mặt không có lý do.*

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Thứ nhất, về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Công ty TNHH V: Ngày 13/06/2025, Nguyên đơn khởi kiện Bị đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 18

– Thành phố Hồ Chí Minh xét xử buộc Công ty TNHH N1 thanh toán tiền mua hàng còn nợ Công ty TNHH V theo Hợp đồng mua bán số Q1012024/HB.TTP ngày 01/10/2024 là 489.618.600 đồng và buộc Công ty TNHH N1 trả tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán cho Công ty TNHH V, từ ngày chậm thanh toán (ngày thứ 61 kể từ ngày giao hàng và xuất hóa đơn giá trị gia tăng) đến ngày xét xử sơ thẩm, tạm tính đến ngày 13/08/2025 là 30.950.499 đồng. Tổng cộng là 520.569.099 đồng. Tuy nhiên, do nghĩa vụ thanh toán của Bị đơn đến nay vẫn chưa được thực hiện, khoản lãi chậm trả tiếp tục phát sinh theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng và Thỏa thuận thanh toán giữa các bên. Vì vậy, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm, tổng nghĩa vụ tài chính của Bị đơn đối với Nguyên đơn đã tăng lên 570.159.987 đồng. Việc điều chỉnh số tiền yêu cầu không làm thay đổi bản chất vụ án, mà chỉ phản ánh đúng thực tế là khoản lãi tiếp tục phát sinh do Bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Do đó, Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc Bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền tính đến thời điểm xét xử.

Thứ hai, về hiệu lực Hợp đồng mua bán ký kết giữa Nguyên đơn Công ty V và Bị đơn Công ty N1: Căn cứ theo khoản 1 Điều 117, Điều 385 Bộ luật dân sự 2015 và nhu cầu của các bên, ngày 01/10/2024, Công ty V và Công ty N1 đã ký kết Hợp đồng mua bán số Q1012024/HB.TTP về việc Công ty V cung cấp cho Công ty N1 hàng hóa là sơn công nghiệp, dung môi pha loãng, sơn lót có màu, sơn phủ,...; đây là hợp đồng mua bán hàng hóa được xác lập dựa trên sự tự nguyện, Công ty V và Công ty N1 có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và thẩm quyền ký kết.

Thứ ba, Nguyên đơn đã hoàn thành nghĩa vụ giao hàng và Bị đơn đã tiếp nhận tài sản: Theo Điều 1 Hợp đồng mua bán, Công ty V cung cấp hàng hóa cho Công ty N1 theo từng đơn bán hàng cụ thể, với số lượng và quy cách được xác định tương ứng, đơn giá được căn cứ theo bảng báo giá ngày 16/10/2024 do Công ty V gửi. Điều 2 Hợp đồng quy định địa điểm giao hàng là tại xưởng của Công ty N1, đường Đ L, khu phố K, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương và thời gian giao hàng sẽ tùy theo từng đơn đặt hàng của bên mua. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty V đã thực hiện đúng trách nhiệm của mình về việc giao hàng đúng số lượng, quy cách chất lượng, đúng tiến độ cho Công ty N1. Tuy nhiên, Công ty N1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình. Việc Bị đơn đã tiếp nhận, kiểm tra và sử dụng hàng hóa mà không có bất kỳ khiếu nại nào về số lượng hay chất lượng là bằng chứng xác thực nhất khẳng định Nguyên đơn đã hoàn thành trọn vẹn nghĩa vụ theo Điều 34 Luật Thương mại 2005. Tại thời điểm này, quyền sở hữu hàng hóa đã chuyển giao, và nghĩa vụ thanh toán của Bị đơn trở thành nghĩa vụ bắt buộc được quy định cụ thể theo Điều 50 Luật Thương mại 2005 và Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thứ tư, về hành vi vi phạm nghĩa vụ thanh toán của Công ty N1: Ngày 15/04/2025, hai bên đã ký Thỏa thuận thanh toán số 20250402-HB.TTP, trong đó Công ty N1 xác nhận rõ ràng còn nợ Công ty V số tiền 489.618.600 ĐỒNG, phát sinh từ các hóa đơn giá trị gia tăng số 673 và 752. Việc ký Thỏa thuận thanh toán là hành vi thừa nhận nghĩa vụ dân sự bằng văn bản của chính Bị đơn.

Theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Không những thừa nhận nghĩa vụ, Bị đơn còn chủ động đề xuất phương án thanh toán thành 03 đợt cụ thể. Tuy nhiên, mặc dù đã cam kết bằng văn bản, đến ngày 05/06/2025, Bị đơn không thực hiện bất kỳ khoản thanh toán nào. Hành vi này thể hiện sự vi phạm nghĩa vụ thanh toán một cách rõ ràng và kéo dài, không phải do tranh chấp về nghĩa vụ mà đơn thuần là không thực hiện nghĩa vụ đã thừa nhận. Đồng thời, tại điểm a Điều 3 Thỏa thuận thanh toán, các bên đã thỏa thuận lãi suất chậm thanh toán là 1,3%/tháng. Mức lãi suất 1,3%/tháng tương đương 15,6%/năm, không vượt quá giới hạn theo quy định pháp luật và được các bên thỏa thuận tự nguyện. Đây là thỏa thuận tự nguyện, không trái quy định pháp luật và có giá trị ràng buộc. Tính đến ngày 04/03/2026, tổng nghĩa vụ tài chính của Bị đơn gồm: Số tiền nợ gốc: 489.618.600 đồng và Số tiền lãi kể từ thời điểm phát sinh nghĩa vụ thanh toán là 80.541.387 đồng. Tổng cộng là 570.159.987 đồng.

Như vậy, nghĩa vụ của Bị đơn đã được xác định rõ ràng về căn cứ, số tiền và thời hạn, không còn bất kỳ tranh chấp nào về bản chất. Việc không thanh toán chỉ thể hiện sự chây ì và vi phạm nghĩa vụ thương mại đã cam kết. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ, sau khi nghe lời trình bày của các đương sự Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Công ty TNHH V khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH N1 thanh toán số tiền còn nợ là 489.618.600 đồng theo Hợp đồng mua bán số Q1012024/HB.TTP ngày 01/10/2024. Do đó, quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Công ty TNHH N1 có trụ sở tại Số B, đường Đ, ấp C, phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực số A - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Bị đơn Công ty TNHH N1 được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn Công ty TNHH N1.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Ngày 01/10/2024 Công ty V và Công ty N1 ký kết Hợp đồng mua bán số Q1012024/HB.TTP về việc Công ty V cung cấp hàng hóa là sơn công nghiệp, dung môi pha loãng, sơn lót có màu, sơn phủ,... cho Công ty N1. Theo hợp đồng, Công ty V cung cấp hàng hóa cho Công ty N1 theo từng đơn bán hàng cụ thể, với số lượng và quy cách được xác định tương ứng, đơn giá được căn cứ theo bảng báo giá ngày 16/10/2024 do Công ty V gửi; địa điểm giao hàng là tại xưởng của Công ty N1, đường Đ L, khu phố K, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương; thời gian giao hàng sẽ tùy theo từng đơn đặt hàng của bên Công ty N1.

Ngày 15/04/2025, Công ty V và Công ty N1 đã ký kết Thỏa thuận thanh toán số 20250402-HB.TTP. Theo đó, Công ty N1 xác nhận tính đến ngày 31/3/2025 còn nợ Công ty V số tiền gốc là 489.618.600 đồng theo các hóa đơn giá trị gia tăng số 673 ngày 27/11/2024 và số 752 ngày 07/12/2024. Ngoài ra, hai bên thống nhất thỏa thuận thanh toán như sau: Vào ngày 20/04/2025, thanh toán số tiền 122.143.800 đồng; ngày 15/05/2025, thanh toán số tiền 180.000.000 đồng; ngày 15/06/2025, thanh toán số tiền 187.474.800 đồng.

Xét thấy chứng cứ Công ty V cung cấp là bản chính. Tòa án đã tiến hành tổng đạt cho bị đơn Công ty N1 để tham gia giải quyết tại Tòa án nhưng Công ty N1 vẫn không có mặt và không có văn bản trình bày ý kiến. Nhận thấy việc Công ty N1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán là đã vi phạm hợp đồng mua bán số Q1012024/HB.TTP ngày 01/10/2024, thỏa thuận số 20250402-HB ngày 15/4/2025 và Điều 50, 55 Luật Thương mại năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2019, 2025. Do đó, Công ty V khởi kiện yêu cầu Công ty N1 thanh toán số tiền gốc 489.618.600 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Theo điểm a Điều 3 Thỏa thuận thanh toán số 20250402-HB ngày 15/4/2025 thì lãi suất chậm thanh toán trên khoản nợ chưa thanh toán là 1,3%/tháng/30 ngày; thời điểm bắt đầu tính lãi suất chậm thanh toán căn cứ theo Điều 4 Hợp đồng mua bán đến ngày Công ty N1 hoàn tất nghĩa vụ thanh toán công nợ. Theo Điều 4 Hợp đồng mua bán số Q1012024/HB.TTP ngày 01/10/2024 thì Công ty N1 “*phải thanh toán toàn bộ tiền hàng sau 60 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn*”. Do đó, Công ty V yêu cầu Công ty N1 thanh toán số tiền lãi tính từ ngày thứ 61 của ngày xuất hóa đơn đến ngày xét xử 80.541.387 đồng là phù hợp với Điều 306 Luật Thương mại năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2019, 2025 nên chấp nhận.

[3] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty N1 phải chịu án phí đối với số tiền phải thanh toán cho Công ty V.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 30, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 50, 55, 306 Luật Thương mại năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2019, 2025;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” của Công ty TNHH V đối với Công ty TNHH N1.

Buộc Công ty TNHH N1 thanh toán cho Công ty TNHH V số tiền 570.159.987 đồng (năm trăm bảy mươi triệu một trăm năm mươi chín nghìn chín trăm tám mươi bảy đồng) (gồm tiền gốc 489.618.600 đồng (bốn trăm tám mươi chín triệu sáu trăm mười tám nghìn sáu trăm đồng) và tiền lãi 80.541.387 đồng (tám mươi triệu năm trăm bốn mươi một nghìn ba trăm tám mươi bảy đồng)).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH N1 còn phải tiếp tục trả tiền lãi chậm trả trên số tiền hàng còn thiếu theo lãi suất thỏa thuận tại điểm a Điều 3 Thỏa thuận thanh toán số 20250402-HB ngày 15/4/2025.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH N1 chịu 26.806.399 đồng (hai mươi sáu triệu tám trăm lẻ sáu nghìn ba trăm chín mươi chín đồng).

- Hoàn trả cho Công ty TNHH V 12.252.708 đồng (mười hai triệu hai trăm năm mươi hai nghìn bảy trăm lẻ tám đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004058 ngày 17/7/2025 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18
- Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Đặng Thị Thùy Linh